TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 01 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông.

Ông Bùi Hữu Tuyến.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Hoàng Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 830/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị U; địa chỉ: Thôn 9, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T; địa chỉ: Thôn 9, xã A huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trương Thị U là nguyên đơn trình bày chị và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Chị và anh T đã đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 12 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau lễ cưới, chị và anh T về chung sống tại thôn 9, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ ngoại tình, không chung thủy trong đời sống vợ chồng dẫn đến chị U và anh T xảy ra cãi mắng xúc phạm nhau, tình cảm gia đình ngày càng thờ ơ lạnh nhạt, vợ chồng

không còn quan tâm chăm sóc nhau. Gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Chị U nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên xin được ly hôn anh Vũ Văn T. Con chung giữa chị và anh T là Vũ Thị U sinh ngày 06 tháng 01 năm 1997, Vũ Thị Hà N sinh ngày 16 tháng 7 năm 2000 và Vũ Văn T sinh ngày 13 tháng 11 năm 2008. Hiện nay, hai con chung tên Vũ Thị U và Vũ Thị Hà N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Vũ Văn T. Chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

Anh Vũ Văn T là bị đơn, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác song đến ngày mở phiên tòa, anh T vẫn không có văn bản trình bày quan điểm về việc chị Trương Thị U xin ly hôn.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trương Thị U được ly hôn anh Vũ Văn T; đề nghị giao cháu Vũ Văn T cho chị Trương Thị U trực tiếp nuôi dưỡng; người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Bị đơn là anh Vũ Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Trương Thị U ly hôn anh Vũ Văn T

Chị U và anh T kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, kết hôn giữa chị U và anh T là hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được, từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay chị U và anh T sống ly thân nhau. Chị U xin ly hôn, anh T nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án song đến ngày mở phiên tòa anh T vẫn không có ý kiến về việc chị U xin ly hôn, thể hiện anh T không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều này cho thấy mâu thuẫn

giữa chị U và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U xin ly hôn anh T.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị U và anh T có 03 con chung tên Vũ Thị U sinh ngày 06 tháng 01 năm 1997, Vũ Thị Hà N sinh ngày 16 tháng 7 năm 2000 và Vũ Văn T sinh ngày 13 tháng 11 năm 2008. Khi ly hôn, chị U đề nghị để chị được trực tiếp nuôi con tên Vũ Văn T. Các con chung tên Vũ Thị U và Vũ Thị Hà N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, chị U có công việc cho thu nhập để nuôi con; con chung có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, điều kiện, hoàn cảnh của chị U, của anh T, Hội đồng xét xử xét giao cho chị Trương Thị U trực tiếp nuôi con Vũ Văn T là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T không có ý kiến về việc cấp dưỡng. Xét yêu cầu của các đương sự là tự nguyện, quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không buộc anh T phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, chị Trương Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Vũ Văn T không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí, chị Trương Thị U phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Cho chị Trương Thị U được ly hôn với anh Vũ Văn T.

- Giao cho chị Trương Thị U trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Văn T sinh ngày 13 tháng 11 năm 2008 đến khi thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Trương Thị U phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0003109 ngày 17/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Trương Thị U đã nộp đủ án phí.

- Chị Trương Thị U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H.Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã An Sơn, H. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huân